

Số: /TB-SXD

Đà Nẵng, ngày tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mở bán nhà ở xã hội tại Khối nhà E1, E2 thuộc dự án Khu chung cư nhà ở xã hội KCN Hòa Khánh

Sở Xây dựng nhận được Thông báo số 157 TB/GRE-KD ngày 20/5/2025 của Công ty Cổ phần Địa ốc xanh Sài Gòn Thuận Phước về việc mở bán các căn hộ nhà ở xã hội sau thời gian cho thuê 5 năm tại Khối nhà E1, E2 thuộc dự án Khu chung cư nhà ở xã hội KCN Hòa Khánh.

Căn cứ Luật Nhà ở năm 2023, Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở, Thông tư số 56/2024/TT-BCA ngày 05/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an, Thông tư số 94/2024/TT-BQP ngày 11/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND thành phố, Sở Xây dựng thông báo thông tin mở bán nhà ở xã hội như sau:

- Tên dự án:** Khu chung cư nhà ở xã hội khu công nghiệp Hòa Khánh
- Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Địa ốc xanh Sài Gòn Thuận Phước
- Địa chỉ:** Vệt kẹp ĐT 602 và KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Thông tin nhà ở xã hội mở bán

- Số lượng nhà ở xã hội mở bán: **17 căn hộ**, diện tích: $32,9m^2 \div 66,5m^2$, tại Khối nhà E1, E2 (nhà ở xã hội bán sau thời gian cho thuê 05 năm).
- Giá bán căn hộ: **8.640.600 đồng/m²** (đã bao gồm lợi nhuận và thuế GTGT, chưa bao gồm hệ số tầng K và chi phí bảo trì 2%). Giá bán chi tiết từng căn hộ theo Bảng giá bán đính kèm. Ngoài tiền mua nhà và các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến mua bán nhà ở theo quy định, chủ đầu tư không được huy động vốn, thu tiền chênh lệch và các khoản thu trái quy định từ người mua nhà.

5. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu mua nhà ở xã hội liên hệ trực tiếp chủ đầu tư để được hướng dẫn và nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Thời gian hướng dẫn hồ sơ: Từ ngày 28/5/2025 đến hết ngày 08/7/2025.
- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký: **Từ ngày 28/6/2025 đến hết ngày 08/7/2025.**
- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Công ty Cổ phần Địa ốc Xanh Sài Gòn Thuận Phước; địa chỉ: Số 61, Đường 30 tháng 4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Số điện thoại: (0236) 629.88.66.

6. Đối tượng đăng ký mua nhà ở xã hội

Đối tượng đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 1, 2, 3 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 76 Luật Nhà ở.

- Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (khoản 1 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn (khoản 2 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu (khoản 3 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị (khoản 4 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (khoản 5 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp (khoản 6 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác (khoản 7 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (khoản 8 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật này, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật này (khoản 9 Điều 76 Luật Nhà ở).

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở (khoản 10 Điều 76 Luật Nhà ở).

7. Điều kiện đăng ký mua nhà ở xã hội

Điều kiện đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại Luật Nhà ở và Nghị định số 100/2024/NĐ-CP:

a) Điều kiện về nhà ở

Đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 76 Luật Nhà ở phải đáp ứng đủ các điều kiện: chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại thành phố Đà Nẵng, chưa được mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở dưới mọi hình thức tại thành phố Đà Nẵng hoặc có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại thành phố Đà Nẵng nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người; trường hợp thuộc đối tượng quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 45 Luật Nhà ở thì phải không đang ở nhà ở công vụ.

- Trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình được xác định khi người đứng đơn và vợ hoặc chồng (nếu có) không có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thành phố Đà Nẵng tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội.

- Trường hợp người đứng đơn có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15 m² sàn/người. Diện tích nhà ở bình quân đầu người được xác định trên cơ sở bao gồm: người đứng đơn, vợ

(chồng) của người đó, cha, mẹ (nếu có) và các con của người đó (nếu có) đăng ký thường trú tại căn nhà đó.

b) Điều kiện về thu nhập

Đối tượng quy định tại khoản 5, 6, 8 Điều 76 Luật Nhà ở thì phải đảm bảo điều kiện về thu nhập như sau:

- Trường hợp người đứng đơn là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận.

- Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 30 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận.

- Thời gian xác nhận điều kiện về thu nhập trong 01 năm liên tiếp, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua nhà ở xã hội.

Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động: Nếu là người độc thân thì thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng, nếu đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 30 triệu đồng. UBND cấp xã thực hiện việc xác nhận điều kiện về thu nhập trong 01 năm liên tiếp tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua nhà ở xã hội.

Đối tượng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 76 Luật Nhà ở thì phải thuộc trường hợp hộ gia đình nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo của Chính phủ.

Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Nhà ở thì phải đảm bảo điều kiện về thu nhập như sau:

- Trường hợp người đứng đơn là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận.

- Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật:

- + Người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó đều thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 2,0 lần tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận;

- + Vợ (chồng) của người đứng đơn không thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 1,5 lần tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận. Trường hợp vợ (chồng) của người đứng đơn không có hợp đồng lao động thì UBND cấp xã thực hiện xác nhận điều kiện về thu nhập.

- Thời gian xác nhận điều kiện về thu nhập trong 01 năm liên tiếp, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua nhà ở xã hội.

8. Mẫu hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội

Mẫu hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP, Thông tư số 05/2024/TT-BXD, Thông tư số 56/2024/TT-BCA và Thông tư số 94/2024/TT-BQP (đính kèm), cụ thể:

a) Đơn đăng ký mua nhà ở xã hội theo Mẫu số 01 - Nghị định số 100/2024/NĐ-CP.

b) Giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

- Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật Nhà ở: Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh người có công với cách mạng hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận thân nhân liệt sỹ theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Đối tượng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 76 Luật Nhà ở: Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hộ gia đình nghèo, cận nghèo theo quy định;

- Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Nhà ở: Thực hiện theo Mẫu tại Thông tư số 94/2024/TT-BQP hoặc Mẫu NOCA - Thông tư số 56/2024/TT-BCA.

- Các đối tượng quy định tại khoản 5, 6, 8, 9, 10 Điều 76 Luật Nhà ở: Thực hiện theo Mẫu số 01 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

- + Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc xác nhận giấy tờ chứng minh đối tượng theo quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Nhà ở (trường hợp có hợp đồng lao động); khoản 6 Điều 76 Luật Nhà ở; khoản 8 Điều 76 Luật Nhà ở. Trường hợp người kê khai đã nghỉ chế độ (nghỉ hưu) thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ra Quyết định nghỉ chế độ của người đó thực hiện việc xác nhận.

- + Cơ quan quản lý nhà ở công vụ thực hiện việc xác nhận giấy tờ chứng minh đối với đối tượng theo quy định tại khoản 9 Điều 76 Luật Nhà ở.

- + UBND quận, huyện thực hiện việc xác nhận giấy tờ chứng minh đối với đối tượng theo quy định tại khoản 10 Điều 76 Luật Nhà ở.

c) Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở

- Mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở theo Mẫu số 02 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình) hoặc Mẫu số 03 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD (trường hợp có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người).

- + Văn phòng đăng ký đất đai thành phố thực hiện xác nhận Mẫu số 02 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

- + UBND xã, phường nơi có nhà ở thực hiện xác nhận Mẫu số 03 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD.

Lưu ý: Trường hợp người đứng đơn đăng ký mua nhà ở xã hội đã kết hôn thì phải thực hiện kê khai mẫu chứng minh điều kiện về nhà ở đối với vợ và chồng.

d) Giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập

- Đối tượng quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 76 Luật Nhà ở: Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hộ gia đình nghèo, cận nghèo.

- Mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập thực hiện theo Mẫu số 04 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD đối với đối tượng quy định tại khoản 5, 6, 7, 8 Điều 76 Luật Nhà ở hoặc Mẫu số 05 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD đối với đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Nhà ở nhưng không có hợp đồng lao động.

+ Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi các đối tượng sau đây đang làm việc thực hiện việc xác nhận theo Mẫu số 04 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD đối với đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Nhà ở (trường hợp có hợp đồng lao động) và khoản 6, 7, 8 Điều 76 Luật Nhà ở. Trường hợp các đối tượng nghỉ chế độ (nghỉ hưu) thì giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập là quyết định nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí của người đó.

+ UBND cấp xã nơi người kê khai đăng ký thường trú/tạm trú thực hiện xác nhận theo Mẫu số 05 - Thông tư số 05/2024/TT-BXD đối với đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Nhà ở nhưng không có hợp đồng lao động.

Lưu ý: Trường hợp người đứng đơn đăng ký mua nhà ở xã hội đã kết hôn thì phải thực hiện kê khai mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập theo Mẫu số 04 hoặc Mẫu số 05 đối với vợ và chồng.

9. Trình tự, thủ tục mua bán nhà ở xã hội

Trình tự thủ tục mua bán nhà ở xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP, trong đó:

- Trên cơ sở các thông tin dự án nhà ở xã hội đã được công bố tại Thông báo này, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu **nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội trực tiếp cho chủ đầu tư dự án**. Khi người có nhu cầu nộp hồ sơ, người nhận hồ sơ phải ghi Giấy biên nhận. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ (chưa đúng theo quy định) thì người nhận hồ sơ có trách nhiệm ghi rõ lý do chưa giải quyết và trả lại cho người nộp hồ sơ để thực hiện việc bổ sung, hoàn thiện.

- Sau khi tập hợp đầy đủ giấy tờ đăng ký của các đối tượng có nhu cầu, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có trách nhiệm xem xét từng hồ sơ đăng ký, đối chiếu với các quy định về đối tượng, điều kiện theo quy định tại Điều 76, Điều 78 Luật Nhà ở và Điều 5, Điều 6 Quy định ban hành theo Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND, mẫu giấy tờ theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD, Thông tư số 56/2024/TT-BCA và Thông tư số 94/2024/TT-BQP để lập Danh sách đối tượng được mua nhà ở xã hội của dự án.

- Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có trách nhiệm gửi Danh sách các đối tượng dự kiến được giải quyết mua nhà ở xã hội theo thứ tự ưu tiên theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP (nêu tại Mục 11 văn bản này) về Sở Xây dựng để tổ chức kiểm tra nhằm xác định đúng đối tượng được mua nhà ở xã hội và loại trừ việc người đăng ký mua nhà ở xã hội tại dự án này đã mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội, đã được Nhà nước hỗ trợ nhà ở dưới mọi hình thức tại thành phố Đà Nẵng.

- Sau khi ký Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm lập đầy đủ Danh sách các đối tượng (bao gồm cả các thành viên trong hộ) đã được mua nhà ở xã hội gửi về Sở Xây dựng để công bố công khai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Danh sách này và lưu trữ để phục vụ cho

công tác quản lý, kiểm tra (hậu kiểm). Đồng thời, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm công bố công khai Danh sách này tại trụ sở làm việc của chủ đầu tư và tại Sàn giao dịch bất động sản hoặc Trang Thông tin điện tử về nhà ở xã hội của chủ đầu tư (nếu có).

10. Nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội (khoản 2 Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP)

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua (hợp lệ) bằng hoặc ít hơn tổng số căn hộ thông báo bán thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng.

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua (hợp lệ) nhiều hơn tổng số căn hộ thông báo bán thì việc xét duyệt, lựa chọn đối tượng thực hiện theo **hình thức bốc thăm** (trực tiếp hoặc trực tuyến) do chủ đầu tư tổ chức, có đại diện Sở Xây dựng tham gia giám sát. Việc bốc thăm phải có biên bản kết quả bốc thăm.

- Trường hợp dự án có đối tượng ưu tiên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 79 của Luật Nhà ở¹ thì được ưu tiên mua nhà ở xã hội mà không phải bốc thăm với tỷ lệ nhất định. Số lượng căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên này (không thông qua bốc thăm) được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng số hồ sơ của 05 nhóm đối tượng ưu tiên này trên tổng số hồ sơ đăng ký nhân với tổng số căn hộ nhà ở xã hội của dự án. Danh sách của nhóm đối tượng ưu tiên được sắp xếp theo thứ tự theo thời điểm nộp hồ sơ. Các căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên được bố trí theo thứ tự của Danh sách ưu tiên cho đến khi hết, các đối tượng còn lại được tiếp tục tham gia bốc thăm (do chủ đầu tư tổ chức, có đại diện Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tham gia giám sát).

11. Tổ chức thực hiện

a) Đề nghị UBND các quận, huyện tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn theo quy định pháp luật về nhà ở; thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động giao dịch nhà ở, kinh doanh dịch vụ bất động sản và quản lý, sử dụng nhà ở xã hội theo quy định tại Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

b) Đề nghị UBND các phường, xã tăng cường trách nhiệm trong công tác tiếp nhận, hướng dẫn, xác nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội trên địa bàn đảm bảo thời gian theo quy định; không để xảy ra tình trạng người dân chậm, không thực hiện được thủ tục xác nhận để đăng ký mua nhà ở xã hội.

c) Đề nghị chủ đầu tư dự án

- Tăng cường trách nhiệm trong công tác hướng dẫn, tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Nhà ở năm 2023, Nghị định 100/2024/NĐ-CP, Thông tư 05/2024/TT-BXD và Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Sở Xây dựng.

¹Trường hợp một đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì được hưởng một chính sách hỗ trợ mức cao nhất; trường hợp các đối tượng có cùng tiêu chuẩn và điều kiện thì thực hiện hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên trước đối với: người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ, người khuyết tật, người được bố trí tái định cư theo hình thức mua nhà ở xã hội, nữ giới

- Công bố công khai thông tin dự án, tiến độ dự án, số lượng căn hộ, diện tích căn hộ, giá bán từng căn hộ; đối tượng, điều kiện được mua; nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt; thành phần, biểu mẫu hồ sơ; địa chỉ, thời gian bắt đầu và kết thúc nộp hồ sơ đăng ký, số điện thoại liên hệ; quy định về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội ... tại trang thông tin điện tử của chủ đầu tư (nếu có), sàn giao dịch bất động sản của chủ đầu tư (nếu có), trụ sở của chủ đầu tư, địa điểm tiếp nhận hồ sơ để cá nhân có nhu cầu được tiếp cận thông tin.

- Thực hiện việc bán nhà ở xã hội không vượt quá giá bán đã được Sở Xây dựng thẩm định. Việc ứng tiền trước của người mua nhà ở xã hội được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán nhà ở, phù hợp với tỷ lệ hoàn thành xây dựng công trình nhà ở và tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt nhưng số tiền ứng trước lần đầu không vượt quá 30% giá trị hợp đồng bao gồm cả tiền đặt cọc (nếu có), tổng số tiền các lần thanh toán không được vượt quá 70% giá trị hợp đồng đến trước khi bàn giao nhà ở cho người mua và không được vượt quá 95% giá trị hợp đồng đến trước khi người mua nhà được cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với nhà ở đó. Ngoài tiền mua nhà và các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến mua bán nhà ở theo quy định, chủ đầu tư không được huy động vốn, thu tiền chênh lệch và các khoản thu trái quy định từ người mua nhà.

d) Đề nghị hộ gia đình, cá nhân

- Tìm hiểu đầy đủ thông tin các dự án nhà ở xã hội đủ điều kiện bán và tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua theo Thông báo của Sở Xây dựng (được công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử Sở Xây dựng và được gửi đến các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, phường, xã, Báo Đà Nẵng, Cổng Thông tin điện tử thành phố), các quy định về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội trước khi nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội.

- **Liên hệ trực tiếp chủ đầu tư dự án** để được hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội. Thực hiện kê khai thông tin trung thực, đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội. Trường hợp phát hiện hành vi kê khai không đúng sự thật, không đúng quy định sẽ xem xét hủy kết quả xét duyệt, hủy hợp đồng (trường hợp đã ký hợp đồng) và thu hồi nhà ở xã hội (trường hợp đã bàn giao nhà) theo đúng quy định.

- **Hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội phải được nộp trong thời gian tiếp nhận theo Thông báo của Sở Xây dựng, hồ sơ nộp trước hoặc sau thời gian tiếp nhận sẽ không hợp lệ.** Khuyến cáo hộ gia đình, cá nhân cảnh giác với các thông tin lừa đảo, nhận làm hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội bảo đảm “đậu”.

- Khi được giải quyết mua nhà ở xã hội, phải chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội. Trường hợp phát hiện vi phạm, sẽ xem xét, xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 16/2022/NĐ-CP.

Mọi trường hợp bán nhà ở xã hội vi phạm quy định về đối tượng hoặc điều kiện mua nhà ở xã hội thì hợp đồng mua bán nhà ở vô hiệu và bên mua phải bàn giao lại nhà ở cho chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, đơn vị quản lý

nhà ở xã hội; trường hợp không bàn giao lại nhà ở, sẽ tổ chức cưỡng chế thu hồi lại nhà ở xã hội theo đúng quy định pháp luật.

Sở Xây dựng thông báo và đề nghị các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- UBND các quận, huyện, phường, xã;
- Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố;
- CTCP Địa ốc xanh Sài Gòn Thuận Phước;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng;
- Công TTĐT thành phố;
- Trang TTĐT Sở Xây dựng;
- GD, các PGD Sở Xây dựng;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QLN (H).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Tuấn

BẢNG GIÁ BÁN CHI TIẾT
17 CĂN HỘ TẠI KHỐI NHÀ E1, E2 THUỘC KHU CHUNG CƯ NHÀ Ở XÃ HỘI KCN HÒA KHÁNH
(NHÀ Ở XÃ HỘI BÁN SAU THỜI GIAN CHO THUÊ 05 NĂM)

Stt	Căn hộ	Tòa	Diện tích	Đơn giá	Giá chưa bao gồm VAT	Thuế giá trị gia tăng	Phí Bảo trì 2%	Giá đã bao gồm thuế và phí bảo trì (đồng)
1	802	E2	32.9	7,097,634	233,512,150	11,675,607	4,670,243	249,858,000
2	809	E1	32.9	7,143,937	235,035,514	11,751,776	4,700,710	251,488,000
3	1102	E1	32.9	6,942,391	228,404,673	11,420,234	4,568,093	244,393,000
4	1109	E2	32.9	6,942,391	228,404,673	11,420,234	4,568,093	244,393,000
5	209	E1	32.9	7,654,546	251,834,579	12,591,729	5,036,692	269,463,000
6	808	E1	32.9	7,128,483	234,527,103	11,726,355	4,690,542	250,944,000
7	1002	E1	32.9	6,984,518	229,790,654	11,489,533	4,595,813	245,876,000
8	1024	E1	32.9	6,984,518	229,790,654	11,489,533	4,595,813	245,876,000
9	1118	E1	66.5	6,882,566	457,690,654	22,884,533	9,153,813	489,729,000
10	1124	E1	32.9	6,912,451	227,419,626	11,370,981	4,548,393	243,339,000
11	1209	E1	32.9	6,768,457	222,682,243	11,134,112	4,453,645	238,270,000
12	602	E2	32.9	7,272,477	239,264,486	11,963,224	4,785,290	256,013,000
13	609	E2	32.9	7,272,477	239,264,486	11,963,224	4,785,290	256,013,000
14	912	E2	32.9	7,071,755	232,660,748	11,633,037	4,653,215	248,947,000
15	1208	E2	32.9	6,768,457	222,682,243	11,134,112	4,453,645	238,270,000
16	918	E2	66.5	6,964,837	463,161,682	23,158,084	9,263,234	495,583,000
17	1118	E2	66.5	6,912,473	459,679,439	22,983,972	9,193,589	491,857,000

Mẫu số 01: Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội
(Theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ MUA, THUÊ NHÀ Ở XÃ HỘI

Hình thức đăng ký¹: Mua ☐ Thuê mua ☐ Thuê ☐

1. Kính gửi²:
2. Họ và tên người viết đơn:
3. Căn cước công dân số: cấp ngày...../...../.....
tại.....
4. Nghề nghiệp³:
5. Nơi làm việc⁴:
6. Nơi ở hiện tại:.....
7. Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú) tại:
8. Thuộc đối tượng⁵:
9. Họ và tên của các thành viên trong hộ gia đình⁶:
 - a. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - b. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - c. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - d. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
 - e. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày/...../..... tại.....
10. Thực trạng về nhà ở của tôi như sau:
 - 10.1. Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình ☐
 - 10.2. Có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15 m²sàn/người⁷ ☐
11. Tôi có mức thu nhập hàng tháng là:
 - 11.1. Đối với đối tượng quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều 76 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023⁸ thì đánh dấu vào một trong hai ô dưới đây:
 - Trường hợp là người độc thân: thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi tôi làm việc xác nhận⁹. ☐
 - Trường hợp đã kết hôn theo quy định của pháp luật: tổng thu nhập hàng tháng thực nhận của tôi và vợ (chồng) tôi không quá 30 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi tôi và vợ (chồng) tôi làm việc xác nhận¹⁰. ☐
 - 11.2. Đối với đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở¹¹ thì đánh dấu vào một trong hai ô dưới đây:
 - Trường hợp là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận. ☐
 - Trường hợp đã kết hôn theo quy định của pháp luật:
 - + Tôi và vợ (chồng) tôi đều thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 2,0 lần tổng thu nhập của sỹ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận. ☐

+ Vợ (chồng) tôi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 1,5 lần tổng thu nhập của sĩ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi tôi làm việc xác nhận. □

12. Tôi chưa được mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở dưới mọi hình thức tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết¹² nhà ở xã hội, tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu đăng ký.

² Ghi tên chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

³ Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu...

⁴ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này, trừ đối tượng là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác.

⁵ Ghi rõ người có đơn thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội.

⁶ Ghi rõ họ tên và mối quan hệ của từng thành viên với người đứng đơn.

⁷ Đối với trường hợp độc thân: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người đó.

Đối với trường hợp hộ gia đình: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người đề nghị xác nhận, vợ/chồng người đề nghị xác nhận (nếu có), cha, mẹ của người đề nghị xác nhận bao gồm cả cha, mẹ vợ/chồng của người đó (nếu có) và các con của người đề nghị xác nhận (nếu có).

⁸ Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (khoản 5 Điều 76); công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp (khoản 6 Điều 76); cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (khoản 8 Điều 76).

⁹ Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu là người độc thân thì mức thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận điều kiện về thu nhập.

¹⁰ Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì tổng mức thu nhập hàng tháng của người đứng đơn và vợ/chồng của người đứng đơn không quá 30 triệu đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận điều kiện về thu nhập.

¹¹ Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác (khoản 7 Điều 76).

¹² Ghi rõ hình thức được giải quyết chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (mua, thuê mua, thuê).

Mẫu số 01. Giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội
(Theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG

1. Kính gửi²:.....
2. Họ và tên:.....
3. Căn cước công dân số: cấp ngày/...../..... tại
4. Nơi ở hiện tại³:.....
5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
.....
6. Nghề nghiệp:..... Tên cơ quan (đơn vị):.....
.....
7. Là đối tượng⁴:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm
Người kê khai Giấy xác nhận về đối tượng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp về:
Ông/Bà..... là đối tượng⁵

(Ký tên, đóng dấu)

² - Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi người kê khai Giấy xác nhận về đối tượng đang làm việc trong trường hợp người kê khai là: (i) Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị; (ii) Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp; (iii) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.
Trường hợp người kê khai đã nghỉ chế độ (nghỉ hưu) thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ra Quyết định nghỉ chế độ của người đó thực hiện việc xác nhận.

- Cơ quan quản lý nhà ở công vụ của người kê khai Giấy xác nhận về đối tượng trong trường hợp người kê khai thuộc đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi người kê khai Giấy xác nhận về đối tượng đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

- Đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật; trường dân tộc nội trú công lập thực hiện việc xác nhận Giấy tờ xác nhận về đối tượng đối với học sinh, sinh viên đang học tập tại cơ sở đào tạo, giáo dục do mình quản lý.

³ Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

⁴ Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định;

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở;

- Học sinh, sinh viên đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật; học sinh trường dân tộc nội trú công lập.

⁵ Đối tượng thuộc mục kê khai số 7.

Mẫu số 02. Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội /nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình)
(Theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN NHÀ Ở

1. Kính gửi⁵: Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng
 2. Họ và tên:
 3. Căn cước công dân số:.....cấp ngày...../...../..... tại.....
 4. Nơi ở hiện tại⁶:
 5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
 6. Họ và tên vợ/chồng (nếu có):
 - Căn cước công dân số:.....cấp ngày/...../..... tại.....
 7. Đăng ký kết hôn số (nếu có).....
 8. Là đối tượng⁷:
 9. Tôi và vợ/chồng tôi (nếu có) không có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) tại tỉnh/Thành phố..... (nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân)⁸.
- Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

⁵Văn phòng đăng ký đất đai thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

⁶ Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

⁷ Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;
- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;
- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;
- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác;
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật Nhà ở, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật Nhà ở;
- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

⁸Ghi rõ tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

....., ngày tháng năm

Người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng (nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/ nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân) về: Ông/Bà..... không có tên trong Giấy chứng nhận tại tỉnh/Thành phố..... (nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/ nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân).

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03. Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (trường hợp có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người)

(Theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN NHÀ Ở

1. Kính gửi⁹: Ủy ban nhân dân xã/phường
2. Họ và tên:
3. Căn cước công dân số:..... cấp ngày// tại.....
4. Nơi ở hiện tại¹⁰:.....
5. Đăng ký thường trú tại:
6. Họ và tên vợ/chồng (nếu có):
- Căn cước công dân số:..... cấp ngày// tại.....
7. Đăng ký kết hôn số (nếu có).....
8. Họ và tên các thành viên trong hộ gia đình¹¹ (nếu có)
 - a. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày// tại.....
 - b. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày// tại.....
 - c. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày// tại.....
 - d. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày// tại.....
 - e. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày// tại.....
 - f. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày// tại.....
 - g. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày// tại.....
 - h. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày// tại.....
 - i. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày// tại.....
 - j. Họ và tên: mối quan hệ với người đứng đơn:
CCCD số: cấp ngày// tại.....

⁹UBND cấp xã nơi người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú đối với trường hợp người kê khai có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người

¹⁰Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú mà người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

¹¹Chỉ liệt kê vợ/chồng của người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở (nếu có), cha, mẹ của người kê khai bao gồm cả cha, mẹ vợ/chồng của người đó (nếu có) và các con của người kê khai (nếu có) đăng ký thường trú tại căn nhà đó.

9. Là đối tượng¹²:

10. Tôi hoặc vợ/chồng tôi (nếu có) cam kết có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) số:....., diện tích sàn sử dụng nhà ở.....m², diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người¹³ tại tỉnh/Thành phố.....(nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường..... về:

Ông/Bà.....có tên trong Giấy chứng nhận số....., diện tích sàn sử dụng nhà ở.....m², diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người.

(Ký tên, đóng dấu)

¹² Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;
- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;
- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;
- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác;
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật Nhà ở, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật Nhà ở;
- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

¹³ Đối với trường hợp độc thân: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người đó.

Đối với trường hợp hộ gia đình: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện nhà ở, vợ/chồng người kê khai (nếu có), cha, mẹ của người kê khai bao gồm cả cha, mẹ vợ/chồng của người đó (nếu có) và các con của người kê khai (nếu có) đăng ký thường trú tại căn nhà đó.

Mẫu số 04. Giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội¹⁴
(Theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

1. Kính gửi¹⁵:.....
2. Họ và tên:.....
3. Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../..... tại.....
4. Nơi ở hiện tại¹⁶:
.....
5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
.....
6. Họ và tên vợ/chồng:
Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../..... tại.....
7. Đăng ký kết hôn số:
8. Là đối tượng¹⁷:.....
9. Tôi có thu nhập hàng tháng thực nhận tính theo Bảng tiền công/tiền lương là.....
(photo Bảng tiền công/tiền lương trong 01 năm liền kề, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội)¹⁸

¹⁴ Thời hạn xác nhận điều kiện về thu nhập trong 01 năm liền kề, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội.

¹⁵ Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đang làm việc trong trường hợp người kê khai là: (i) Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp; (ii) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác; (iii) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Trường hợp người kê khai đã nghỉ chế độ (nghỉ hưu) thì giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập là Quyết định nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí của người đó.

¹⁶ Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

¹⁷ Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;
- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác;
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
- Trường hợp người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện thu nhập là vợ hoặc chồng của người đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội thì không phải kê khai mục này.

¹⁸ Đối với đối tượng là Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, Người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác thì kê khai thu nhập hàng tháng thực nhận do cơ quan, đơn vị nơi công tác quản lý xác nhận (Photo Bảng thu nhập hàng tháng trong 01 năm liền kề, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm
Người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện thu nhập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp
 là
Ông/Bà có
thu nhập hàng tháng thực nhận là
 đồng.
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05. Giấy kê khai về điều kiện thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội đối với đối tượng thu nhập thấp tại khu vực đô thị (trường hợp không có hợp đồng lao động)
(Theo Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KÊ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

1. Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường¹⁹.....
 2. Họ và tên:
 3. Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../..... tại.....
 4. Nơi ở hiện tại²⁰:
 5. Đăng ký thường trú (Đăng ký tạm trú) tại:
 6. Họ và tên vợ/chồng (nếu có):
 - Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../..... tại.....
 - Nghề nghiệp: Tên cơ quan (đơn vị) (nếu có):
 7. Đăng ký kết hôn số (nếu có):
 8. Tôi là người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (không có hợp đồng lao động) và có thu nhập hàng tháng thực nhận là:
 - Trường hợp là người độc thân: thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng ☐
 - Trường hợp đã kết hôn theo quy định của pháp luật: tổng thu nhập hàng tháng của tôi và vợ/chồng tôi thực nhận không quá 30 triệu đồng ☐
- Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm
Người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện thu nhập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường..... là Ông/Bà..... có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng (đối với trường hợp độc thân) và không quá 30 triệu đồng (đối với trường hợp đã kết hôn).

(Ký tên, đóng dấu)

¹⁹ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện thu nhập là người thu nhập thấp (không có hợp đồng lao động) đăng ký thường trú/tạm trú xác nhận về điều kiện thu nhập.

²⁰ Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

Mẫu giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở
(Theo Thông tư số 94/2024/TT-BQP ngày 11/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG

1. Kính gửi¹:
2. Họ và tên người đề nghị xác nhận:
3. Thẻ căn cước/Căn cước công dân số:..... cấp ngày/...../....., tại
4. Nơi ở hiện tại:
5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
6. Tên cơ quan (đơn vị)
7. Thuộc đối tượng²

Tôi cam kết chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi cam kết trả lại nhà ở công vụ (nếu có) sau khi nhận bàn giao nhà ở xã hội (nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Xác nhận của cơ quan, đơn vị về:

Đồng chí:

là đối tượng:

(Ký tên, đóng dấu)

..... Ngày... tháng.... năm.....

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Các cơ quan, đơn vị từ cấp Trung đoàn và tương đương trở lên thuộc Bộ Quốc phòng được giao xác nhận đối với trường hợp người đề nghị xác nhận là: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; Ban cơ yếu Chính phủ được giao xác nhận đối với trường hợp người đề nghị xác nhận là: Người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác thuộc phạm vi quản lý Bộ Quốc phòng.

² Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ về nhà ở, vay vốn ưu đãi để mua, nhà ở: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác thuộc phạm vi quản lý Bộ Quốc phòng.

Mẫu NOCA: Giấy chứng minh đối tượng trong Công an nhân dân được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội và nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân
(Theo Thông tư số 56/2024/TT-BCA ngày 05/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH ĐỐI TƯỢNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI VÀ NHÀ Ở CHO LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

1. Kính gửi¹:
2. Họ và tên người đề nghị xác nhận:
3. Ngày sinh:
4. Nơi cư trú:
5. Số định danh cá nhân:
6. Là đối tượng (Sĩ quan/hạ sĩ quan/công nhân công an):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

Xác nhận của cấp có thẩm quyền²
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm
Người kê khai
(ký, ghi rõ họ tên)

¹ Ghi tên cơ quan nơi công tác.

² Người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư.